

# PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN NGÀNH HÀNG HẢI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC CA\*

Ngày nhận bài: 21/05/2017; ngày sửa chữa: 23/05/2017; ngày duyệt đăng: 26/05/2017.

**Abstract:** Improving the quality of teaching staff for the maritime universities in Vietnam is an urgent and important issue that affects directly on development of the maritime industry. The article mentions some concepts of management of teaching staff at maritime universities and colleges in Vietnam and also proposes solutions to develop teaching staff for maritime industry in Vietnam to meet requirements of development of the industry.

**Keywords:** Management development, quality of teaching staff, Vietnam Maritime industry.

**N**gành Hàng hải Việt Nam với nhiệm vụ chủ yếu đào tạo các sĩ quan, thuyền viên, các thủy thủ, thợ máy, thợ sửa chữa, các kỹ thuật viên Hàng hải, các công nhân kỹ thuật, các thuyền trưởng, máy trưởng hạng 1, 2, 3, 4. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ được cấp trên giao cho, vấn đề quản lý (QL) và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên (ĐNGV) ở các trường trở nên cấp thiết và quan trọng, đó là công việc có tính chất quyết định đến sự tồn tại, phát triển của ngành từ nay đến năm 2020 và lâu hơn nữa. Như vậy, để nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, chúng ta phải quan tâm phát triển ĐNGV về mọi mặt cả về số lượng, cơ cấu và trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

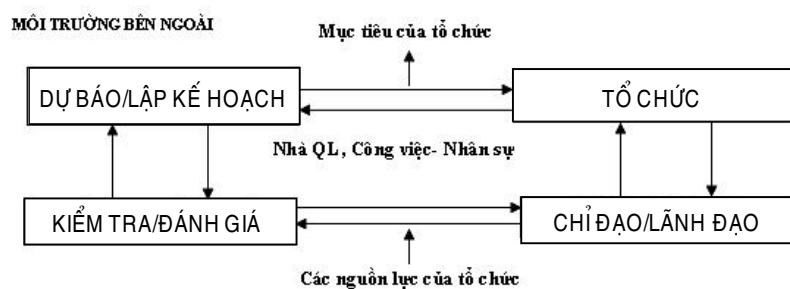
## 1. Một số khái niệm cơ bản

### 1.1. QL và các chức năng cơ bản của QL

F.W Taylor cho rằng, QL là biết chính xác điều muốn người khác làm và sau đó thấy họ đã hoàn thành công việc một cách tốt nhất và rẻ nhất. H.Koontz thì khẳng định: QL là một hoạt động thiết yếu, nó đảm bảo phối hợp những nỗ lực hoạt động cá nhân nhằm đạt được các mục đích của nhóm. Henry Fayol (1841-1925) đã đưa ra 14 nguyên tắc trong QL là: phân công lao động; quyền hạn; kỉ luật; thống nhất chỉ huy; thống nhất chỉ đạo; quyền lợi cá nhân phải phục tùng quyền lợi chung; tiền lương xứng đáng; tập trung hóa; sợi dây quyền hạn; trật tự; bình đẳng; ổn định đội ngũ; sáng kiến và tinh thần đồng đội,...

Tuy nhiên, theo chúng tôi, QL là hoạt động có mục đích của con người, QL chính là các hoạt động do một hoặc nhiều người điều phối hành động của những người khác nhằm thu được kết quả mong muốn. QL là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể QL tới đối tượng QL nhằm đạt mục tiêu đề ra.

Các chức năng của QL (sơ đồ 1)



Sơ đồ 1. Các chức năng của QL

Theo sơ đồ 1, ta thấy: Dự báo và lập kế hoạch là một chức năng cơ bản của QL, trong đó phải xác định những vấn đề như nhận dạng và phân tích tình hình, bối cảnh; dự báo các khả năng; lựa chọn và xác định các mục tiêu, mục đích và hoạch định con đường, cách thức, biện pháp để đạt được mục tiêu, mục đích của quá trình. Tổ chức là quá trình tạo lập các thành phần, cấu trúc, các quan hệ giữa các thành viên, giữa các bộ phận trong một tổ chức nhằm làm cho họ thực hiện thành công các kế hoạch và đạt được mục tiêu tổng thể của tổ chức. Lãnh đạo/Chỉ đạo bao hàm việc định hướng và lôi cuốn mọi thành viên của tổ chức thông qua việc liên kết, liên hệ với người khác và khuyến khích, động viên họ hoàn thành những nhiệm vụ nhất định để đạt được mục tiêu của tổ chức. Kiểm tra, đánh giá là chức năng của QL. Thông qua đó, một cá nhân, một nhóm hoặc một tổ chức theo dõi giám sát các thành quả hoạt động và tiến hành hoạt động sửa chữa uốn nắn cần thiết.

Tuy nhiên việc xác định các chức năng trong quá trình QL không thể rạch ròi, riêng biệt từng chức năng mà là quá trình đan xen, kết hợp để thực hiện mục tiêu cuối cùng của một quá trình QL.

\* Trường Cao đẳng Hàng hải I

## 1.2. Chất lượng ĐNGV

Chất lượng ĐNGV được thể hiện ở các yếu tố: phẩm chất, đạo đức; trình độ chuyên môn; nghiệp vụ sư phạm; số lượng; cơ cấu.

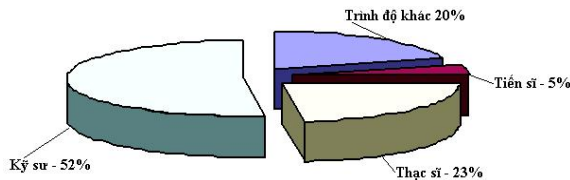
- *Những tri thức sư phạm*: Đó là các kiến thức hiểu biết về vị trí, vai trò của người giảng viên (GV) trong xã hội, các kiến thức chung về giáo dục học, tâm lý học giáo dục, về lịch sử truyền thống giáo dục của nước nhà...

- *Những kĩ năng sư phạm*: Chuẩn bị về sách vở, soạn bài, xây dựng các mục tiêu lớn và mục tiêu chi tiết cho nội dung bài giảng, phân bố thời gian lên lớp, lựa chọn phương pháp và phương tiện dạy học..., tất cả đó phải được người GV chuẩn bị kĩ càng trước khi lên lớp - được gọi là những kĩ năng sư phạm.

## 2. Thực trạng ĐNGV ngành Hàng hải Việt Nam

(nguồn: Cục Hàng hải Việt Nam năm 2014)

### 2.1. Về cơ cấu số lượng, độ tuổi và theo học vị



Hình 2. Biểu đồ ĐNGV ngành Hàng hải Việt Nam theo học vị

Thực trạng ĐNGV theo cơ cấu số lượng, độ tuổi và theo học vị được thể hiện theo bảng 1:

Bảng 1. Thực trạng ĐNGV xếp theo học vị

Năm	Tiến sĩ		Thạc sĩ		Kỹ sư		Trình độ khác	
	Số lượng	Tuổi	Số lượng	Tuổi	Số lượng	Tuổi	Số lượng	Tuổi
2014	120.0	42.6	507.0	34.8	1138.0	34.1	453.0	39.7

Thực trạng ĐNGV theo học hàm, học vị và theo chúng chỉ sĩ quan, thuyền máy trưởng của các cơ sở đào tạo Hàng hải Việt Nam được thể hiện trong bảng 2 và bảng 3:

Bảng 2. Thực trạng ĐNGV của các cơ sở đào tạo Hàng hải Việt Nam

Đơn vị	Tổng số lao động trong biên chế		Tổng số lao động hợp đồng		Số lượng GS, PGS		Số lượng Tiến sĩ		Số lượng thạc sĩ		Số lượng Kỹ sư		Có trình độ khác	
	Số lượng	Tuổi trung bình	Số lượng	Tuổi trung bình	Số lượng	Tuổi trung bình	Số lượng	Tuổi trung bình	Số lượng	Tuổi trung bình	Số lượng	Tuổi trung bình	Số lượng	Tuổi trung bình
Đại học Hàng hải	737	39.5	199	38.6	9	49.1	50	39.0	244	32.4	376	36.7	266	39.0
Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh	172	39.8	204	32	5	58	27	47	103	35	194	34	52	39
Cao đẳng Hàng hải I	167	35	57	32	0	-	0	-	16	40	153	36	33	45
Cao đẳng Hàng hải II	131	33	51	33	0	-	0	-	13	38	141	35	27	41
Đại học Hải sản Nha Trang	523	38.0	65	35	9	58	43	44	131	38	274	29	75	40

Bảng 3. Thực trạng ĐNGV có bằng chuyên môn tại các cơ sở đào tạo Hàng hải

Đơn vị	Thuyền trưởng hạng 1		Thuyền trưởng hạng 2		Máy trưởng hạng 1		Máy trưởng hạng 2		Điện trưởng	
	Số lượng	Tuổi trung bình	Số lượng	Tuổi trung bình	Số lượng	Tuổi trung bình	Số lượng	Tuổi trung bình	Số lượng	Tuổi trung bình
Đại học Hàng hải	25	37.0	26	33.0	20	36.7	10	35.0	27	34
Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh	10	40	25	34	6	38	27	33	4	38
Cao đẳng Hàng hải I	20	43	5	43	20	43	8	43	-	-
Cao đẳng Hàng hải II	19	38.1	27	32.0	21	35.5	11	34.0	28	33
Đại học Hải sản Nha Trang	27	42	6	41	21	42	9	42	-	-

### 2.2. Đánh giá chung

- Về số lượng GV chưa đáp ứng theo tỉ lệ quy định của Nhà nước là 1/25 và tiến tới năm 2020 thì tỉ lệ này phải đạt < 1/20.

- Về trình độ của ĐNGV chưa đạt theo yêu cầu là ít nhất 10% số GV có trình độ tiến sĩ đối với các trường đại học, hiện tại Trường Đại học Hàng hải đạt tỉ lệ ~10%, còn Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh là 6%. GV có bằng cấp chuyên môn làm công tác đào tạo huấn luyện đạt tương đối cao.

- Về tuổi đời, ĐNGV tương đối trẻ; số có trình độ tiến sĩ - bình quân tuổi đời là 42,6; số thạc sĩ có tuổi đời là 34,8; số thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất có tuổi đời khoảng 40.

Qua tìm hiểu và tham khảo các ý kiến đánh giá từ nhiều nguồn khác nhau, ĐNGV còn có những hạn chế sau:

- Kiến thức truyền đạt và phương pháp giảng dạy chậm được đổi mới. Hiện tại, phần lớn các GV vẫn truyền đạt kiến thức theo phương pháp truyền khẩu, "thầy nói, trò nghe" thụ động.

- Đa số các GV chỉ thích dạy lý thuyết (kể cả thực hành cũng mô tả bằng lý thuyết), đây là vấn đề cần phải đổi mới thật sự từ mỗi GV.

- Cập nhật kiến thức mới còn rất hạn chế đối với ĐNGV, nguyên nhân chủ yếu ở đây là: đa số các GV còn có thu nhập thấp nên chưa thật sự tâm huyết với nghề, trình độ ngoại ngữ yếu nên không tham khảo được các tài liệu nước ngoài.

- Hiện tại, tỉ lệ các sinh viên học tại trường và ở lại dạy tại trường rất cao, đặc biệt là Trường Đại học Hàng hải. Phần lớn không tốt nghiệp từ đại học sư phạm, nên hạn chế về sư phạm.

- Ở một số cơ sở đào tạo huấn luyện Hàng hải còn có hiện tượng các GV đầu ngành

không tập trung toàn tâm toàn ý với nhiệm vụ đào tạo huấn luyện của trường, nên chất lượng giảng dạy và QL thấp, ảnh hưởng đến chất lượng sinh viên ra trường.

### 3. Các giải pháp QL phát triển ĐNGV cho ngành Hàng hải

#### 3.1. Giải pháp về tổ chức đào tạo - bồi dưỡng ĐNGV

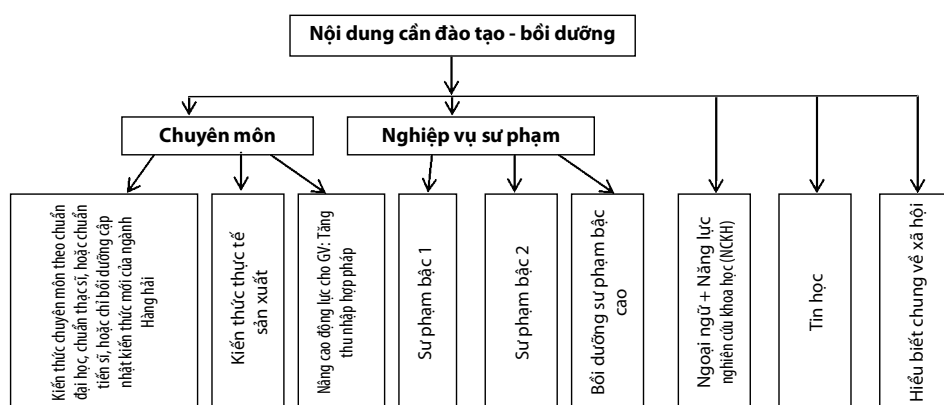
##### 3.1.1. Mục tiêu của giải pháp tổ chức đào tạo - bồi dưỡng:

- Nâng cao chất lượng ĐNGV nhằm đạt các tiêu chuẩn quy định. Nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ sư phạm, trình độ ngoại ngữ và tin học v.v...

- Bồi dưỡng kiến thức thực tế sản xuất dưới tàu biển nhằm mục tiêu bổ sung kiến thức thực tế, đồng thời góp phần tăng nguồn thu nhập chính đáng cho ĐNGV để họ yên tâm hơn với “sự nghiệp trồng người của mình”.

##### 3.1.2. Nội dung của giải pháp tổ chức đào tạo - bồi dưỡng

Những nội dung đào tạo - bồi dưỡng được trình bày trong sơ đồ sau (xem sơ đồ 2)



Sơ đồ 2. Cấu trúc nội dung đào tạo - bồi dưỡng

##### 3.1.3. Phương pháp đào tạo - bồi dưỡng

- *Phương pháp chuyên gia:* Sử dụng lại phương pháp này mà các trường đã áp dụng trong thời gian qua. Tuy nhiên đòi hỏi công việc “kiểm tra” và “đánh giá” phải được tiến hành một cách nghiêm túc, việc này đòi hỏi đội ngũ “cán bộ chuyên gia” phải được tuyển chọn dựa trên năng lực chuyên môn giỏi, phẩm chất đạo đức tốt, tuyệt đối trung thành với mục tiêu đặt ra cho khoá học và phải có tâm huyết sâu sắc, triệt để với công việc của một “cán bộ chuyên gia”.

- *Phương pháp xác định và đào tạo - bồi dưỡng những vấn đề thiếu hụt:* Trên cơ sở xác định những vấn đề còn thiếu hụt trong chuyên môn, nghiệp vụ của ĐNGV, và có thể xác định cụ thể đến từng người.

- *Phương pháp thực hành và thực hành nâng cao:* Phương pháp này áp dụng cho những người công tác ở xưởng nhà trường và đi tàu, những GV học chuyên ngành kĩ thuật không phải là ngành Hàng hải, họ cần được đào tạo - bồi dưỡng về chuyên ngành Hàng hải để có thể dạy được nhiều môn học.

#### 3.2. Các giải pháp cụ thể về QL phát triển ĐNGV

3.2.1. *Giải pháp dài hạn:* Nhà trường cũng đặc biệt cần chủ động liên kết với các tổ chức hoặc các trường đào tạo ở trong và ngoài nước trong việc cấp kinh phí cho GV của trường thay nhau đến đó học tập - nghiên cứu, hoặc đến thực tập, tham quan.

3.2.2. *Giải pháp ngắn hạn định kì và thường xuyên:* Thời gian thường kéo dài từ 1 đến 3 tháng, 1 đến 2 tuần cũng có khi kéo dài 5 đến 6 tháng. Giải pháp ngắn hạn là hình thức có thể thực hiện được liên tục.

3.2.3. *Các hình thức thực tập, thực hành, thăm quan, nghiên cứu thực tế các cơ sở trong và ngoài nước:* Nhà trường cần phải chủ động tìm kiếm các dự án hợp tác với nước ngoài, nhằm tạo điều kiện cho GV trường mình đến thực tập, tham quan học tập - nghiên cứu.

3.2.4. *Tổ chức hội thảo, hội giảng:* Cần phải tổ chức hội thảo, hội giảng để học tập trao đổi và rút kinh nghiệm.

3.2.5. *Tự đào tạo - bồi dưỡng:* Hình thức này thường được thể hiện thông qua các con đường: Học theo nhu cầu của công việc, học những nội dung

thiếu hụt mà công việc giảng dạy đã chỉ ra cho từng người, học thông qua môi trường đồng nghiệp, thông qua phương tiện thông tin đại chúng.

3.2.6. *Xây dựng các văn bản pháp quy:* Bộ quản ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng ĐNGV Hàng hải các cấp ở Việt Nam.

3.2.7. *Tổ chức triển khai thực hiện bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng ĐNGV Hàng hải của Việt Nam:* Tổ chức một lớp tập huấn nhận thức về bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng ĐNGV của tất cả các trường đào tạo, huấn luyện Hàng hải của Việt Nam. Có các chế độ, chính sách tăng cường đầu tư các nguồn lực cho nhà trường.

3.2.8. *Xây dựng kế hoạch phát triển ĐNGV:* Xây dựng kế hoạch phát triển ĐNGV phải đủ về số lượng.

Đảm bảo về chất lượng ĐNGV. Đảm bảo về cơ cấu trình độ và cơ cấu ngành nghề (xem *bảng 4*).

*Bảng 4. Dự báo GV trình độ cao tham gia đào tạo huấn luyện Hàng hải*

Năm	GV có trình độ học thuật cao (Tiến sĩ, Thạc sĩ)		GV có trình độ kĩ năng cao (Thuyền trưởng, Máy trưởng...)	
	Số lượng	Tuổi	Số lượng	Tuổi
2015	53.0	42.6	189	39.5
2018	71.0	40.7	281	38
2020	131.0	38.1	429	37

**3.2.9. Tăng cường năng lực NCKH:**

- Nâng cao khả năng NCKH, phương pháp nghiên cứu và sự hứng thú trong NCKH cho ĐNGV trong trường.

- NCKH là một loại hình công việc rất khó, do đó nhà trường và Bộ chủ quản cần quan tâm đầu tư thực sự đúng mức cho công việc này.

- Cải tiến cơ chế chính sách, chế độ đãi ngộ đối với ĐNGV làm công tác NCKH, nhằm thực sự khuyến khích, động viên họ tham gia tích cực vào NCKH.

**3.2.10. Kiểm tra, thanh tra:**

- Các tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá được xây dựng dựa trên sự tham gia đóng góp về mọi mặt của các bên có liên quan dưới sự chỉ đạo của cấp trên.

- Phải tách riêng, giữa công tác đào tạo - bồi dưỡng với công tác kiểm tra, đánh giá, tránh tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”, có như vậy chất lượng của công việc này mới thực sự được nâng cao, nhằm tránh lãng phí cho nhà trường và Nhà nước.

**3.2.11. Mở rộng quan hệ hợp tác với các trường đại học, các Viện nghiên cứu trong và ngoài nước:** Thông qua lãnh đạo Bộ và địa phương, các nhà trường có kế hoạch hợp tác quốc tế với các nước tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực Hàng hải, như Mĩ, Úc, Canada, Đức, Nauy, Ba Lan... trong việc đào tạo - bồi dưỡng.

\*\*\*

Bài viết đã hệ thống hóa được một số khái niệm về QL phát triển ĐNGV đại học, cao đẳng nói chung ở Việt Nam; đánh giá được những tồn tại của ĐNGV trong các trường Hàng hải ở Việt Nam; đề xuất được các giải pháp QL phát triển ĐNGV đáp ứng yêu cầu - nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài của ngành Hàng hải Việt Nam.

Chúng tôi xin nêu một số khuyến nghị: - Xây dựng chiến lược QL phát triển ĐNGV đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; - Bổ sung, hoàn thiện cơ

chế chính sách một cách đồng bộ đối với ĐNGV để họ yên tâm với công việc giảng dạy, say mê NCKH và tham gia tích cực vào kế hoạch đào tạo - bồi dưỡng của nhà trường, đồng thời thường xuyên tự đào tạo - bồi dưỡng; - Hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh GV trong trường. Thực hiện việc đánh giá thường xuyên theo bộ tiêu chuẩn này để có kế hoạch đào tạo - bồi dưỡng. Hoàn thiện nội dung và hình thức đào tạo - bồi dưỡng theo tiêu chuẩn hoá, và đào tạo - bồi dưỡng thường xuyên; - Phát huy tính tích cực, chủ động và khả năng sáng tạo trong hoạt động giảng dạy, đào tạo - bồi dưỡng nâng cao trình độ, trong công tác nghiên cứu khoa học của GV. □

**Tài liệu tham khảo**

[1] Kỉ yếu hội thảo khoa học (2000). *Mô hình đào tạo giảng viên kĩ thuật có trình độ đại học cho các trường trung học chuyên nghiệp - dạy nghề*”.

[2] *Luật giáo dục* (1999). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[3] Vũ Cao Đàm (1998). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Khoa học và kĩ thuật.

[4] Đặng Văn Uy (2006). *Nâng cao năng lực đào tạo Hàng hải các cấp tại Việt Nam*. Đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp Bộ, Mã số DT063006, Hải Phòng.

[5] BIMCO (2010). *The Baltic and International Maritime Council Review 2010*. Book Production Consultants Plc.

**KÍNH MỜI BẠN ĐỌC ĐẶT MUA TẠP CHÍ GIÁO DỤC NĂM 2017**

**Tạp chí Giáo dục** ra mỗi tháng 02 kì, đặt mua tại các bưu cục địa phương (**Mã số C192**) hoặc đặt mua trực tiếp tại Toà soạn (số lượng lớn) theo địa chỉ: **TẠP CHÍ GIÁO DỤC, 4 Trịnh Hoài Đức, quận Đống Đa, Hà Nội.**

Kính mời bạn đọc, các đơn vị giáo dục, trường học đặt mua **Tạp chí Giáo dục năm 2017**. Mọi liên hệ xin gửi về địa chỉ trên hoặc liên lạc qua số điện thoại: 024.37345363; Fax: 024.37345363.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TẠP CHÍ GIÁO DỤC**